

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26-11-2021.

“V/v ly hôn giữa chị G và anh T”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Đức.

2. Bà Phạm Thị Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị G, sinh năm 1971.

2. *Bị đơn:* Anh Lương Xuân T, sinh năm 1971.

Đều ĐKKHKT và cư trú tại: Xóm 6, thôn L, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa có mặt chị G, vắng mặt anh T, nhưng anh T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 12-8-2021; đơn xin xác nhận ngày 04-10-2021; bản tự khai ngày 05-10-2021 và lời khai trong suốt quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu chị và anh Lương Xuân T đã tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 14-11-1994 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Nhưng nay chị không còn lưu giữ Giấy chứng nhận kết hôn, vì lý do trước đây vợ chồng xảy ra cãi vã nhau chị bức đã tức đã đem xé, vứt Giấy chứng nhận kết hôn đi rồi. Sau khi chị và anh T kết hôn với

nhau thì chị và anh T đã chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do T thường hay uống rượu say rồi mỗi khi say rượu là anh T lại vô cớ đánh chửi mẹ con chị, ngoài ra anh T còn không chịu làm ăn gì để kiếm tiền lo kinh tế cho gia đình mà suốt ngày chỉ có biết đi uống rượu say rồi về nhà đánh chửi vợ con, đập phá nhà cửa. Từ đó dẫn đến trong cuộc sống vợ chồng chị thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Nên vợ chồng chung sống với nhau không có tình cảm và không có hạnh phúc như trước đó nữa và mâu thuẫn thì ngày càng xảy ra nhiều hơn và trầm trọng hơn. Từ năm 2019 đến nay mặc dù vợ chồng chị vẫn sống chung cùng một nhà nhưng vợ chồng đã chính thức ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau suốt từ năm 2019 cho đến nay và chị G xác định mâu thuẫn của vợ chồng chị đã kéo dài và trầm trọng, nay chị cũng không còn có tình cảm, tình nghĩa vợ chồng gì đối với anh T nữa. Nên mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Do đó chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Lương Trung Đ, sinh ngày 21-8-1998 và Lương Thị Huyền T, sinh ngày 24-7-2000. Hiện nay các con chung của vợ chồng đều đã thành niên và có khả năng lao động tự lập được rồi. Nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những nội dung khác có liên quan: Chị và anh T tự thỏa thuận giải quyết với nhau và chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và đơn đề nghị cùng ngày 15-11-2021, bị đơn anh Lương Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị G tự nguyện đăng kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Nhưng đăng ký kết hôn vào ngày, tháng nào thì anh không nhớ, anh chỉ có nhớ là vào năm 1994 thôi và vợ chồng anh có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào ngày 19-8-1994 (Âm lịch). Sau kết hôn vợ chồng vẫn chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau, không có xảy ra mâu thuẫn gì cả. Nhưng đến khoảng tháng 08-2021 thì chị G đã tự bỏ nhà đi thuê nhà trọ ở bên ngoài để chơi bời và quan hệ tình cảm nam nữ bất chính với người đàn ông khác. Do đó vợ chồng đã ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 08-2021 cho đến nay. Nay chị G xin ly hôn anh xác định anh vẫn còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng với chị G. Nên anh không đồng ý ly hôn, anh rất mong muốn chị G quay về đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị G có 02 con chung là Lương Trung Đ, sinh ngày 21-8-1998 và Lương Thị Huyền T, sinh ngày 24-7-2000. Hiện nay các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động tự lập được rồi. Nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị G đã tự thỏa thuận với nhau là giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho con trai là Lương Trung Đ. Nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về công nợ chung và những nội dung khác có liên quan: Anh và chị G không có. Nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 02-11-2021, đại diện UBND xã L, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị G và anh Lương Xuân T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã L vào năm 1994 và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Nhưng do thời gian chị G và anh T đăng ký kết hôn đã lâu nên nay những giấy tờ, sổ sách liên quan đến việc đăng ký kết hôn cho chị G và anh T đã bị mục nát hết, hiện nay không còn lưu trữ bất cứ giấy tờ, tài liệu nào. Do đó UBND xã L không có căn cứ để cấp Trích lục kết hôn cho chị G và anh T được. Tuy nhiên địa phương khẳng định rằng chị G và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào năm 1994 là sự thật.

Sau khi chị G và anh T kết hôn với nhau thì chị G và anh T đã chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được đến khoảng năm 2018-2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu say xỉn rồi đánh chửi vợ, con, ngoài ra anh T còn không chịu làm ăn gì để lo toan kinh tế cho gia đình. Từ đó đã dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau và mâu thuẫn thì ngày càng một trầm trọng hơn. Do đó chị G và anh T đã phải sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau từ nhiều ngày nay. Việc chị G xin ly hôn anh T, địa phương nhận thấy mâu thuẫn giữa chị G và anh T đã kéo dài và trầm trọng, cuộc sống hôn nhân của chị G và anh T không có hạnh phúc. Nên mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Do đó đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị G và anh T được ly hôn với nhau.

Về con chung: Chị G và anh T 02 con chung là Lương Trung Đ, sinh ngày 21-8-1998 và Lương Thị Huyền T, sinh ngày 24-7-2000. Hiện nay các con chung của chị G và anh T đều đã thành niên và có khả năng lao động tự lập được rồi; ngoài ra thì chị G và anh T cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về con chung. Nên, địa phương không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những nội dung khác có liên quan: Chị G và anh T tự thỏa thuận giải quyết với nhau và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nên, địa phương không có ý kiến gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cũng như của Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án tại phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị G.

. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị G và anh Lương Xuân T.

. Về con chung: Do các con của chị G và anh T hiện nay đều đã thành niên, có khả năng lao động tự lập được và các đương sự cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

. Về tài sản chung, công nợ chung và những nội dung khác có liên quan: Do chị G và anh T tự thỏa thuận giải quyết với nhau và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị G phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa anh Lương Xuân T là bị đơn vắng mặt, nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử anh T đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt của anh T.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Phạm Thị G và anh Lương Xuân T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ thể hiện việc chị G và anh T có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Nhưng căn cứ vào sự thừa nhận của chị G, anh T và sự khẳng định của đại diện UBND xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, Hội đồng xét xử đã có căn cứ để xác định chị G và anh T kết hôn với nhau vào năm 1994, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Nam Định vào năm 1994. Vì vậy, hôn nhân của chị G và anh T đã thỏa mãn về điều kiện kết hôn, về đăng ký kết hôn theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của chị G và anh T là hôn nhân hợp pháp. Nên, được pháp luật bảo vệ.

Về tình trạng của hôn nhân: Xét thấy sau khi chị G và anh T kết hôn với nhau thì chị G và anh T đã chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu say rồi về đánh chửi vợ, con, ngoài ra anh T còn không chịu lao động kiếm tiền để lo toan kinh tế cho gia đình. Từ đó đã dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra đánh cãi chửi nhau. Nên vợ chồng chung sống với nhau không có tình cảm và không có hạnh phúc như trước đó nữa. Do đó chị G và anh T đã phải ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm, tình nghĩa vợ chồng với nhau từ nhiều ngày nay. Như vậy, quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ giữa vợ và chồng của vợ chồng chị G, anh T đã trái với những quy định tại các Điều 17, 19, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét hôn nhân của chị G

và anh T nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Nên mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy đời sống chung của vợ chồng chị G, anh T không thể kéo dài thêm được nữa. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị G là có căn cứ và phù hợp với thực trạng hôn nhân hiện nay của chị G và anh T. Nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G, xử ly hôn giữa chị G và anh T là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy việc anh T không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ là không có căn cứ và không được chấp nhận.

3.2. Về con chung: Xét chị G và anh T có 02 con chung là Lương Trung Đ, sinh ngày 21-8-1998 và Lương Thị Huyền T, sinh ngày 24-7-2000. Hội đồng xét xử thấy hiện nay các con chung của vợ chồng chị G, anh T đều đã thành niên và có khả năng lao động tự lập được rồi; ngoài ra thì cả chị G và anh T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Do đó, không xem xét, giải quyết.

3.3. Về tài sản chung, công nợ chung và những nội dung khác có liên quan: Xét chị G và anh T đều trình bày vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau về các mối quan hệ này và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị G phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị G và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị G và anh Lương Xuân T.
2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị G phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị G đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001354 ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định.
3. Về quyền kháng cáo: Chị G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tuyên án; anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Quân